

TRẠI LAO ĐỘNG ĐẶC BIỆT NÚI BÀ RÁ - QUÁ TRÌNH THIẾT LẬP VÀ CHẾ ĐỘ GIAM CẦM (1940-1945)

Hà Minh Hồng⁽¹⁾, Nguyễn Văn Minh⁽²⁾

(1) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU-HCM), (2) Đại học Quốc gia TP HCM

Ngày nhận bài 17/01/2020; Ngày gửi phản biện 05/02/2020; Chấp nhận đăng 20/02/2020

Liên hệ email: honghaminhvn@yahoo.com.vn

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2020.02.021>

Tóm tắt

Trại lao động đặc biệt Núi Bà Rá là một loại hình cơ sở tù - đầy của chế độ thực dân Pháp ở Việt Nam trong thời kỳ từ nửa cuối thế kỷ XIX đến trước khi Pháp bị Nhật đảo chính (tháng 3-1945). Dưới dạng “trại lao động”, chính quyền thuộc địa ở Nam kỳ dựng lên ở nơi rừng thiêng nước độc một hệ thống nhà trại để giam cầm, đầy ải những người yêu nước, các chiến sĩ cách mạng và nhiều đối tượng khác, đồng thời khai thác lao động và khuất phục họ. Dù trá hình dưới dạng trại lao động đặc biệt Núi Bà Rá, nhà tù Bà Rá trong khoảng 5 năm tồn tại là một trong những nhà tù khắc nghiệt và dã man của thực dân Pháp trong quá trình xâm lược Việt Nam.

Từ khóa: bộ máy cai tù, lao động tù nhân, núi Bà Rá, trại lao động đặc biệt

Abstract

THE FORCED LABOR CAMP ON BA RA MOUNTAIN PROCESS OF FORMATION AND DETENTION REGIMEN (1940 - 1945)

The Forced Labor Camp on Ba Ra mountain was a type of prison of the French colonial regime in Vietnam from the late half of the nineteenth century to March 1945 (French colonial government was coup d'etat by Japanese troops). To exile revolutionary patriots, the French colonial government founded prisons in the form of forced labor camps in secluded places. In addition, the colonial state took advantage of the labor of political prisoners and forced them to yield. No matter what the colonial authorities named this camp it was the most harsh and barbaric prison of French colonial regime during the invasion of Vietnam.

1. Giới thiệu

Trong hơn tám mươi năm cai trị Việt Nam (1862-1945), thực dân Pháp đã thiết lập hệ thống nhà tù ở khắp 3 miền (Bắc - Trung - Nam) để giam cầm hàng trăm ngàn người Việt Nam thuộc nhiều thế hệ. Với những tên gọi khác nhau như: nhà tù Sơn La (1908), nhà tù Hỏa Lò (1896), nhà lao Vinh (1804), nhà lao Thừa

Phủ (Huế, 1899), nhà tù Lao Bảo (1908), nhà đày Buôn Ma Thuột (1930-1931), nhà tù Côn Đảo (1862)..., các nhà tù thời Pháp thuộc được ví như “địa ngục trần gian”, đỉnh điểm về sự tàn độc của chế độ thực dân xâm lược. Hệ thống nhà tù cũng như chế độ lao tù thời Pháp thuộc đã được khắc ghi như những trang sử đẫm máu, đi vào lịch sử kháng chiến của dân tộc Việt Nam. Trại lao động đặc biệt Bà Rá cũng là một trong những nhà tù điển hình của thực dân Pháp ở Nam Kỳ, được chính quyền thực dân thiết lập năm 1940 tại quận Núi Bà Rá, tỉnh Biên Hòa (ngày nay thuộc thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước). Bài viết này trình bày việc thiết lập trại lao động đặc biệt Núi Bà Rá, hệ thống trại giam, bộ máy điều hành, ngân sách tài chính và chế độ giam cầm của Trại lao động đặc biệt Núi Bà Rá (1940-1945).

2. Tổng quan tài liệu

Nghiên cứu về lịch sử các nhà tù thời Pháp thuộc các công trình chủ yếu dựa vào các nguồn tài liệu chính gồm: văn bản lưu trữ - hệ thống văn bản về chủ trương, chính sách và những chỉ đạo, điều hành của chính quyền thực dân Pháp đối với hệ thống nhà tù và chế độ lao tù; các hiện vật, di vật được sưu tầm trong các di tích nhà tù và nhân chứng lịch sử; các tư liệu hồi ký, lời kể của tù nhân, nhân viên nhà tù... Bài viết này cũng tiếp cận các tài liệu theo hướng trên và đặc biệt chú trọng sưu tầm và sử dụng các tài liệu văn bản lưu trữ. Về tài liệu lưu trữ, bài viết sưu tầm và sử dụng các văn bản của Thống Đốc Nam Kỳ (TĐNK) quyết định thành lập trại lao động đặc biệt Núi Bà Rá, thông tư thi hành chuyển tù nhân, quy định chi phí nuôi tù nhân (TĐNK, 1941i, 1941k, 1943b); các báo cáo về chi phí hoạt động, vật dụng tiếp tế, thanh tra lao động (TĐNK, 1941, 1942, 1943); công văn chỉ đạo của TĐNK gửi Chủ tỉnh Biên Hòa (TĐNK, 1942a, 1942b, 1942c), công văn chỉ đạo, báo cáo, trao đổi của cơ quan liên quan như Sở Cảnh sát Nam Kỳ, Chủ tỉnh Biên Hòa, Chánh tham biện Biên Hòa, Đồng lý Văn phòng TĐNK... (TĐNK, 1940, 1941a, 1941b, 1941g). Về tài liệu hồi ký, lời kể nhân chứng bài viết sử dụng hai tập hồi ký của nhà hoạt động cách mạng Nguyễn Thị Lựu (Nguyễn Thị Lựu, 2015) và Nguyễn Thị Một (Nguyễn Thị Một, 1997). Ngoài ra, bài viết cũng sử dụng thông tin tư liệu trong các nghiên cứu về lịch sử đấu tranh cách mạng trên địa bàn tỉnh Thủ Dầu Một (Bình Phước ngày nay) (Bùi Văn Toàn, 2016).

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thành lập Trại lao động đặc biệt Núi Bà Rá

Ngày 20/5/1933, Toàn quyền Đông Dương P. Pasquier ban hành quyết định đổi tên quận Phú Riềng của tỉnh Biên Hòa thành quận Núi Bà Rá. Điều 2 của quyết định này nêu rõ: “*Quận Phú Riềng trở thành quận Sông Bé, thủ phủ chuyển về Núi Bà Rá và lấy tên là quận Núi Bà Rá... Quận Núi Bà Rá bao gồm tổng Bình Cách và tổng Tân Thuận, Thuận Lợi, Khun Klênh, Xornuk, Khun-Narr, Bu Yum, Bu-R’Lap,*

Dar-Ouorr và Bu-Narr” (TĐNK, 1943). Để giam cầm những người yêu nước, các nhà hoạt động chính trị chống chế độ cai trị của chính quyền thực dân mà chúng gọi là “*các cá nhân nguy hiểm đối với quốc phòng và an ninh công cộng*”, từ giữa năm 1940, thực dân Pháp đã cho thành lập ở quận Núi Bà Rá các “Trại lao động đặc biệt”. Hồi ký Nguyễn Thị Lựu viết: “Bà Rá là vùng nổi tiếng ma thiêng nước độc. Ngày đó, ai nghe tên Bà Rá cũng đều thấy rợn người. Núi Bà Rá nổi lên giữa khu rừng sâu thẳm. Vào mỗi buổi sáng, bất cứ mùa nào, sương mù cũng phủ núi. Chim kêu vượn hú nỉ non. Chiều đến, mặt trời chưa khuất là mền tác, con cộp gằm nghe đến rợn óc” (Nguyễn Thị Lựu, 2015).

Bảng thống kê số tù nhân và số ngày ở trại lao động đặc biệt Bà Rá và Tà Lài từ khi thành lập cho đến ngày 31/12/1940 cho biết, ngày thành lập Trại Núi Bà Rá là 31/7/1940 (Trại Tà Lài là ngày 30/5/1940) (TĐNK, 1943). Đầu tháng 9/1940, Thanh tra Vụ Chính trị và Hành chính thuộc TĐNK đã “dự tính thành lập một Trại Lao động đặc biệt dành cho nữ, căn cứ vào việc áp dụng biện pháp thứ 3 Sắc lệnh ngày 21/1/1940” (TĐNK, 1941d). Đến ngày 26/10/1940 Trại Lao động đặc biệt Núi Bà Rá báo cáo cho Toàn quyền Đông Dương về nhu cầu “cần phải xây thêm một trại dành cho nữ ở Núi Bà Rá để phân biệt với trại nam”; nhất là số lượng tù nhân nữ ngày càng đông lên, những người “hoạt động nổi tiếng, đã lập gia đình. Họ là những giao liên hết sức nguy hiểm trong các hoạt động bí mật của cộng sản” (TĐNK, 1941a).

Trong một hội thảo khoa học tổ chức tại Phước Long năm 2016, Bùi Văn Toàn cho biết: Trung tâm lao động khổ sai đặc biệt (FST – Forcé Spécial Travaux hay CFST – Central Forcé Spécial Travaux) thuộc tỉnh Biên Hòa, có hai cơ sở là Trại Núi Bà Rá (Camp Ba Ra) ở dưới chân núi Bà Rá – Phước Long và Trại Tà Lài (Camp Ta Lai) nay thuộc huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Giám đốc Trung tâm lao động khổ sai đặc biệt tỉnh Biên Hòa trực tiếp phụ trách cả hai Trại. Cả hai Trại Bà Rá và Tà Lài được xây dựng và đưa vào sử dụng năm 1940 đều ở vùng rừng núi hoang vu, gần như không có dân cư gần kề (Bùi Văn Toàn, 2016).

Trong hồi ký *Tình yêu và ánh lửa* của Nguyễn Thị Lựu – Nữ cựu tù tại Trại lao động đặc biệt Bà Rá cho biết: “Khoảng giữa năm 1940, thực dân Pháp lập những trại giam tại đây nhằm đẩy dọa những người yêu nước và những ai không theo luật pháp của chúng. Lúc đầu chúng thiết lập hai trại giam dưới chân núi gọi là Căng (Camp) A và Căng B. Qua năm 1941 có thêm Căng C là trại giam từ Tà Lài chuyển qua” (Nguyễn Thị Lựu, 2015).

Để chính thức hợp lý hóa thực tế này và phù hợp với điều hành hành chính của chính quyền thuộc địa ở Nam kỳ, ngày 07/7/1942 Toàn quyền Đông Dương Decoux ký Nghị định số 371-D do Nha Chính trị soạn thảo tại Đà Lạt nêu rõ tại “*Điều 1: Thành lập ở Nam kỳ: 1/ Trại Lao động Đặc biệt ở Bà Rá (Biên Hòa); 2/ Trại Lao động nữ Đặc biệt ở Bà Rá (Biên Hòa); 3/ Trại Lao động đặc biệt ở Bạc Liêu; 4/ Trại Lao động đặc biệt ở Rạch Giá. Dùng làm nơi giam giữ các cá nhân nguy hiểm đối với quốc phòng và an ninh công cộng*” (TĐNK, 1943b). Theo đó,

trong 4 trại lao động đặc biệt được thành lập có 2 trại tại quận núi Bà Rá ở miền Đông Nam kỳ và 2 trại ở các tỉnh miền Tây Nam kỳ. Các “Trại lao động đặc biệt” ấy không cần xây dựng hệ thống nhà tù, trại giam tốn kém cả về vật liệu vật chất và lực lượng canh giữ; bởi vùng Bà Rá (Biên Hòa) hay Bạc Liêu, Rạch Giá lúc đó đều là nơi lam sơn chướng khí, rừng thiêng nước độc, đầy thú giữ rừng hoang; có thể tận dụng khí hậu và điều kiện tự nhiên rất khắc nghiệt ấy để giam giữ và áp dụng chế độ lao động khổ sai khắc nghiệt đối với các “lao động” mà thực chất tù nhân thường phạm và chính trị phạm, kể cả nữ. Xây dựng “Trại lao động” làm nhà tù trá hình, chính quyền thực dân sẽ tránh được việc xử án cũng như thời hạn giam giữ tù nhân; chúng sẽ giam giữ không thời hạn những người yêu nước và cách mạng, tách biệt họ khỏi phong trào quần chúng đấu tranh. Việc đầy ải bằng hình thức trại lao động không chỉ tận dụng được lao động của tù nhân, mà còn có thể giảm nhẹ được tính khốc liệt của hệ thống nhà tù.

3.2. Hệ thống trại lao động - Nhà tù ở Bà Rá

Công văn của Nha Thanh tra Vụ Chính trị hành chính và Lao động cho biết: hệ thống trại lao động đặc biệt Bà Rá gồm ba trại như sau:

- “Trại A: Nằm cách phía Bắc quận, 1 km, đối diện với đồn điền cao su của tỉnh” gồm “Những dãy nhà giam được bao bọc xung quanh bằng dây kẽm gai. Phía bên ngoài khu trại là một khu vườn rộng để tù nhân trồng bắp, khoai mì, giá. Đi sâu vào phía bên trong, có 1 phòng tắm, 1 bể nước và 1 giếng đào để lấy nước uống. Những chỗ đất trũng là nơi được sử dụng để trồng rau”. Cần phải, nhưng chưa có “một kho chứa lương thực phòng trường hợp đói kém, mất mùa xảy ra”.

- “Trại B: Nằm bên cạnh quận” có một “xưởng may cũng đã được thành lập trong quận”

- “Trại C: Nằm cách quận, 3 km, nằm ven Quốc lộ, từ Núi Bà Rá đến các thác ở Sông Bè”, bên trong cũng có “một khu vườn khá đẹp được các tù nhân dùng để trồng bắp, khoai mì và giá. Nước được lấy từ suối (thường cạn vào mùa khô) và từ giếng đào”. (TĐNK, 1941e).

Tù nhân Nguyễn Thị Lựu mô tả: “Cảng A cất dưới thung lũng đi qua rừng cao su, tối thăm. Mỗi khi đi làm về, đoàn người phải đi ngang Cảng B trên bìa rừng”. Còn Cảng B “được xây dựng tại trung tâm Bà Rá, trên vùng đất khá cao. Ở đó là nơi tập trung các cơ quan đầu não của bọn sĩ quan và binh lính canh giữ nhà tù. Cách Cảng B mấy cây số, nằm gần suối Dong, sau này chúng lập thêm Cảng C để giam giữ anh chị em chính trị phạm”. Quy mô các trại A, B: Mỗi trại có khoảng 8 -10 lán tranh, xung quanh rào dây thép gai. Mỗi lán khoảng 40m x 5m, sức chứa 45-50 người. Ngoài các trại, còn có Khu chỉ huy, trại lính, trạm y tế riêng (Nguyễn Thị Lựu, 2015).

Chính quyền thực dân rất “quan tâm” đến việc xây trại giam dành cho nữ. Công văn số 165c ngày 28/8/1940 của Thanh tra vụ Chính trị và Hành chánh gửi Thống đốc Nam kỳ cho thấy việc xây trại giam dành cho nữ ở đảo Cù Lao Rồng là

không thích hợp “vì ở đây vượt ngục quá dễ dàng”, chỉ có thể “xây trại giam nữ tù tại Trại Lao động đặc biệt Núi Bà Rá, thuộc quận Núi Bà Rá, cách trại nam một khoảng cách thích hợp”; bởi nơi đây còn “dễ dàng chuẩn bị bữa ăn cho 2 trại giam (nữ và nam); nếu không “thì có thể chuyển nữ tù ra đảo Phú Quốc” cho việc canh giữ dễ dàng hơn (TĐNK, 1941d).

Theo báo cáo số 5403 của Chủ tỉnh Biên Hòa Maurice Larivière, các trại lao động đặc biệt đã hoàn tất tại quận Núi Bà Rá từ ngày 10/4/1941 với phân công: Trại A dành cho tù thường phạm; Trại B dành cho nữ; Trại C dành cho can phạm chính trị. Và thông báo “Từ giờ trở đi, không còn kế hoạch chuyển người hoặc thực phẩm đến Tà Lài nữa” (TĐNK, 1941c). tiếp theo, báo cáo ngày 16/8/1941 cho biết:

- Trại A có 495 thường phạm đang bị giam trong trại dưới sự quản lý của 2 hiến binh người Âu và 50 dân quân... Tù nhân được sử dụng làm nhân công, làm việc trong các lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp trong quận.

- Trại B bao gồm 46 tù nhân nữ. Những phụ nữ này làm công việc bếp núc và may vá... Hiện đang có 12 phụ nữ làm việc tại xưởng này. Họ may trang phục cho dân quân và các tù nhân

- Trại C dành để giam tù chính trị. Hiện có 340 tù nhân với sự giám sát của 2 hiến binh người Âu và một phân đội dân quân (TĐNK, 1941e).

Tính tới thời điểm tháng 8/1941, số lượng tù nhân ở Trại Lao động đặc biệt Núi Bà Rá là 881 người, cộng với số quan quản lý và dân quân quản tù hơn 100 người (TĐNK, 1944a); sức chứa của Trại Lao động đặc biệt Núi Bà Rá khoảng 1000 người.

Ngày 26/6/1942 trại A có 538 “lao động”, trại C có 453 “lao động”; trong đó mô tả kỹ “trại B (dành cho nữ) nằm ngay trung tâm, gần với quận”, trong trại có “Một đội lao động tại chuồng heo, một đội khác làm việc tại đồn điền cà phê. Một số làm mái lá, đan phen” (TĐNK, 1942d).

Cùng với việc xây dựng hàng rào kẽm gai để bao bọc xung quanh nhà tù, thực dân Pháp cho xây dựng các chòi canh gác cùng với hệ thống đèn pha để theo dõi tù nhân. Việc chiếu sáng trong trại, báo cáo của Thanh tra Esquivillon ngày 26/6/1942 cho biết: Đèn chiếu sáng trong trại “*rất tệ và làm cho việc canh gác vào ban đêm rất khó*”; Thanh tra đề xuất “*cần phải trang bị cho trại A và C các động cơ, hoạt động bằng gazogene, đồng thời cho phép sử dụng điện để thắp sáng*”... Đã có “*25 bóng đèn dầu bổ sung đã được chuyển đến Bà Rá. Có cải thiện, nhưng còn lâu mới đạt đến nhu cầu tối thiểu. Sẽ cần phải dựng các chòi canh gác có đèn pha, cùng với lính gác và những người này sẽ hành động ngay khi có tiếng động hoặc thấy cái bóng đáng ngờ. Tổng cộng cần 8 đèn pha cùng với bình ắc quy hoặc máy phát điện*” (TĐNK, 1942d). Nhưng việc này chưa được thực hiện. Điều quan trọng là môi trường sống trong các trại kém vệ sinh. Các trại giam không có hoặc không đủ phòng cách ly bệnh nhân mắc các bệnh truyền nhiễm nên tình trạng dịch bệnh bùng phát thường

xuyên. Điều đáng nói là nhà vệ sinh và nhà tắm thiếu trầm trọng so với sức chứa của nhà giam, chẳng hạn ở trại A, mỗi dãy nhà giam chỉ có một nhà tắm. Các gian nhà giam nhỏ, chật, thấp vì thế mùa mưa thì ẩm ướt, mùa nắng thì nóng nực.

3.3. Bộ máy cai trị ở Trại lao động đặc biệt Núi Bà Rá

Ngày 2/1/1941 Thống đốc Nam kỳ ký Quyết định số 25 về việc: “Chánh Tham biện, Chủ tỉnh Biên Hòa có nhiệm vụ làm tổng quản lý và kiểm soát Trại Lao động Tà Lài và Bà Rá. Đại úy sở Hiến binh Sài Gòn sẽ chỉ can thiệp đối với việc cung cấp: nhân sự người Âu và bản địa; hộ tổng công nhân đi lại giữa Sài Gòn và các trại lao động” (TĐNK, 1941k).

Hoạt động chuyển tù nhân hàng tuần như vậy cho thấy: Số lượng tù nhân luôn thay đổi theo hướng ngày càng tăng lên ở Trại Lao động đặc biệt Bà Rá; đặt ra yêu cầu bộ máy quản lý và cai ngục phải tăng lên (Bộ máy chính thức). Mỗi khi chuyển tù nhân sẽ cần huy động lực lượng lớn, không chỉ của bộ máy cai ngục quản tù, mà còn cần đến sự phối hợp lực lượng quản lý và quân lính các địa phương (Bộ máy hỗ trợ). Báo cáo của Đại úy Gonnin, Chỉ huy Sở Hiến binh gửi công văn cho Đội trưởng, Chỉ huy phân đội Sài Gòn về đề nghị phương tiện di chuyển tù nhân từ Sài Gòn lên Núi Bà Rá nửa cuối năm 1944 cho biết: Sẽ di chuyển 35 tù nhân với 8 lính hộ tống, “Đoàn tù nhân và đội hộ tống này sẽ do một hiến binh người Âu quản lý” (TĐNK, 1944). Viên Đội trưởng Fribourg-Eynard, Chỉ huy phân đội Sài Gòn ngày 22/7/1944 đưa ra kế hoạch vận chuyển tù nhân từ Sài Gòn lên Núi Bà Rá như sau:

- Sở Hiến binh Sài Gòn sẽ báo trước 5 ngày, bằng thư hoặc điện thoại, cho Chủ tỉnh Biên Hòa biết thời gian chính xác và số lượng người được chuyển từ Sài Gòn lên Lộc Ninh.
- Chủ tỉnh Biên Hòa sẽ lệnh cho xe cam nhông của Trại Lao động đặc biệt Bà Rá đến Lộc Ninh lúc 17h để đưa tù nhân từ Lộc Ninh lên Núi Bà Rá.
- Đội hộ tống tù nhân sẽ bao gồm các dân vệ đang làm việc tại Núi Bà Rá. Nếu xảy ra sự cố, đội hộ tống này sẽ đưa tù nhân về lại Sài Gòn. Đốc phủ Núi Bà Rá sẽ lệnh cho đội trưởng đội hộ tống di chuyển bằng 2 ngã đường (đường sắt và đường tàu điện) (TĐNK, 1944).

Cả bộ máy cai ngục được huy động cho hoạt động đưa tù nhân đến trại lao động đặc biệt Bà Rá để đảm bảo họ không thể tổ chức vượt ngục.

Trại C là nơi giam giữ tù chính trị, nên canh gác cẩn thận, chế độ nghiêm khắc hơn trại A (tù thường phạm); nhưng nhìn chung “các biện pháp bảo vệ các trại rất yếu kém, vì không đủ hệ thống hàng rào kẽm gai, cũng như sự thiếu cảnh giác của các lính gác” (TĐNK, 1941f). Trại Lao động đặc biệt luôn lo lắng đến việc canh giữ, trong đó “đặc biệt quan tâm liên quan đến việc sử dụng dây thép gai... và củng cố mạng lưới bảo vệ tại khu vực khá yếu này” (TĐNK, 1941g). Thanh tra Larivière từng báo cáo ngày 26/6/1942 đã đề xuất tăng gấp đôi lực lượng canh gác,

thậm chí: “*Về cơ bản, cần phải có một trại dân quân đến Bà Rá làm việc, với vai trò là đơn vị trực thuộc*” (TĐNK, 1942d).

Theo kinh lý của Thanh tra vụ chính trị hành chính và lao động ngày 16/8/1941, cơ quan này đề nghị “dùng người Pháp, người Âu, người Ấn đang thất nghiệp làm lính canh các khu đất khai khẩn nằm ven quốc lộ từ Núi Bà Rá đến các thác ở Sông Bé và cạnh trại C... Tù nhân trại A thường được sử dụng vào những công việc khác trong quận... cần thiết phải duy trì một lượng nhân công là những tù nhân thuộc trại C làm việc bên cạnh các lính canh đồn điền” (TĐNK, 1941b). Việc sử dụng “người Pháp, người Âu, người Ấn đang thất nghiệp làm lính canh” như vậy để tăng cường khoảng cách giữa quản tù và tù nhân, có thể là một biện pháp cần thiết để ngăn cản sự cảm hóa của tù nhân đối với cai ngục, quản tù (?). Như vậy mỗi Trại có 1-2 Hiến binh/Thanh tra (chủ yếu là người Pháp, có thể có người Việt tập sự) và một đội dân quân (50-60 người, tùy số lượng tù nhân). Bộ máy chủ chốt quản lý, giám sát tù nhân ở trại Bà Rá gồm Trưởng trại (có thể là chủ tỉnh, quản lý theo danh nghĩa), 5-6 hiến binh (chủ yếu là người châu Âu) và lực lượng dân quân (người Việt hoặc Khmer); ước tính bình quân một lính cai quản từ 8-10 người tù. Tuy nhiên cần lưu ý về bộ máy quản tù ở Bà Rá do Sở Hiến binh của tỉnh trực tiếp điều hành, canh gác tù nhân, bảo đảm an ninh, với sự tham gia của lực lượng địa phương quân (lính khố xanh), dưới sự điều hành và chịu trách nhiệm của Chủ tỉnh Biên Hòa, không phải do bộ máy quản ngục chuyên nghiệp (gardiens) quản trị.

3.4. Ngân sách và chế độ tài chính

Công văn Số 475-B của Phòng 3 (Công văn, Thông tư) Phủ Thống đốc Nam kỳ ngày 12/7/1942 cho biết: Chi phí hoạt động của các Trại Lao động Đặc biệt Núi Bà Rá và Tà Lài (gác đan, thực phẩm và chi phí nuôi tù nhân) căn cứ vào thông tư số 638B ngày 14/11/1940, thuộc trách nhiệm của sở địa phương – Chi phí nuôi tù nhân trong Trại Lao động Bạc Liêu và Rạch Giá được tính vào ngân sách của 2 tỉnh Bạc Liêu và Biên Hòa; các tỉnh có số tù nhân ở Bà Rá phải chi ngân sách địa phương chuyển cho tỉnh Biên Hòa; chi phí của Đội dân quân do Ngân sách Liên bang chi trả (TĐNK, 1943).

Nghị định số 3258-CP ngày 1/7/1941 ấn định số tiền tối thiểu để nuôi tù nhân ở trại Lao động Đặc biệt Tà Lài và Núi Bà Rá trong năm 1941 là 0\$52/người/ngày. Theo đó các tỉnh phải nộp vào ngân sách (theo chế độ đặc biệt này) để phục vụ cho trại lao động đặc biệt ở Bà Rá (TĐNK, 1943).

Chính quyền thuộc địa dùng khái niệm “số tiền tối thiểu để nuôi tù nhân” dành cho trại Lao động Đặc biệt Tà Lài và Núi Bà Rá trong năm 1941 là 0\$52/người/ngày (hoặc tù nhân ở nhà lao Tây Ninh chỉ có chế độ 0\$14/người/ngày) cần được hiểu là đơn vị tính để cắt chuyển ngân sách cho các địa phương (hoàn toàn không phải là chế độ tù nhân được hưởng). Từ đó có thể suy ra số lượng tù nhân của các nhà tù, trại giam, trại lao động (nhất là Trại lao động đặc biệt) là rất quan

trọng đối với chính quyền thuộc địa cấp tỉnh, cũng như rất quan trọng đối với bộ máy cai tù, quản ngục trong từng cơ sở tù đầy cụ thể (ngân sách được cấp ít hay nhiều tùy thuộc số lượng tù nhân).

Thông tư của Thống đốc Nam kỳ số 688-B ngày 14/11/1940 quy định tại đoạn 4: “việc nộp tiền vào ngân sách địa phương sẽ diễn ra theo từng quý, theo số tù nhân trong trại lao động vào ngày 01/12 và 01/6 (hàng năm) (TĐNK, 1943). Nhưng có thỉnh báo của Đại úy Fribourg – Eyrard, Chỉ huy Phân đội Sở Hiến binh Nam kỳ - Cam Bốt gửi Trưởng phòng 3 (Ban 1) Phủ Thống đốc Nam kỳ ngày 24/3/1941, về “những bất lợi khi báo cáo số lượng vào 2 ngày này (1/12 và 1/6), để tính toán số tiền mà các tỉnh phải nộp, vì có sự dao động lớn về số lượng tù nhân, hơn 70 tù ở Bà Rịa và hơn 50 tù ở Tài Lài. Điều này kéo theo việc các tỉnh sẽ chi trả tiền không chính xác so với số lượng thực tế... Hợp lý nhất là yêu cầu các tỉnh chi trả chi phí theo thực tế. Vào cuối mỗi quý, rất dễ lập bảng thống kê số lượng ngày ở tù của các tù nhân của mỗi tỉnh trong trại. Chi phí được xác định trên tổng số ngày tù nhân có mặt trong trại, rất dễ tính khi biết giá sinh hoạt của mỗi tù nhân/ngày và sau đó tính toán tổng số để mỗi tỉnh hoàn trả chi phí” (TĐNK, 1943).

Năm 1941, tổng số tiền mà các tỉnh phải nộp để nuôi tù nhân trong trại lao động đặc biệt Núi Bà Rịa và Tài Lài trong 6 tháng cuối năm 1941 là 78.188\$2 (TĐNK, 1941i). Công văn (thông tư) số 115-B ngày 13/2/1942 của Đồng lý Văn phòng Phủ Thống đốc Nam kỳ (Phòng 5) gửi Chánh tham biện Bà Rịa cho biết: Trong 6 tháng cuối năm 1941, tiền chi phí nuôi tù nhân trong các Trại Lao động đặc biệt Tài Lài và Núi Bà Rịa là 1.085\$76 (TĐNK, 1943). Phòng 5 Phủ Thống đốc (Ngân sách địa phương) ghi phiếu thu chi phí nuôi tù nhân người Cam Bốt, đang ở trại Lao động Đặc biệt Núi Bà Rịa trong 6 tháng cuối năm 1942 với 34 tù nhân, 5.110 ngày trong trại, mỗi ngày 0\$52/ngày, tổng cộng là 2.657\$20 (TĐNK, 1943). Nhưng việc sử dụng kinh phí cho tù nhân ở Trại Lao động đặc biệt Bà Rịa không minh bạch. Văn phòng Chánh Tham biện tỉnh Tây Ninh có công văn Số: 2426-AB ngày 20/9/1941 gửi Phòng 3 Thống đốc Nam kỳ cho biết: chi phí nuôi dưỡng 3 tù nhân (Nguyen Van Hung ở Gia Lộc, Tây Ninh; Nguyen Van Thoi ở Gia Lộc, Tây Ninh; Nguyen Duy Thien tự Nguyen Quang Linh ở Phú Lâm, Châu Đốc) được tính vào ngân sách của tỉnh Tây Ninh là $0,52 \times 3 \times 180 \text{ ngày} = 280\80 , thay vì 522\$08 (trong khi khẩu phần ăn của 1 tù nhân ở Tây Ninh là 0,14) (TĐNK, 1943).

3.5. Chế độ giam cầm, kiểm soát tù nhân

Không có những nhà lao kiên cố với tường gạch dày như nhiều nhà tù khác, Trại Lao động đặc biệt Núi Bà Rịa chỉ có những dây lán bằng tre nửa lá, nhưng bên ngoài có rào kẽm gai và hệ thống đèn chiếu sáng cùng sự canh gác của binh lính. Đúng như nữ tù nhân Nguyễn Thị Lựu mô tả: “Căng B là một dãy nhà dài, cất bằng lồ ô, lợp tranh vách bằng cây lồ ô đập giập đan thành phen. Phía trong là hai dãy sạp bằng tre, dành cho chị em ngủ. Xung quanh rào 4 lớp kẽm gai chằng chịt. Phía ngoài vòng rào là rừng chồi hoang vu, nối tiếp rừng sâu bạt ngàn. Lúc đầu chị em phải treo thùng thiếc để khi

cọc đến gần thì đập thùng, la đuổi nó đi. Ngày đêm đều có tên lính người dân tộc gác trên chòi cao, cắt phía trong hàng rào” (Nguyễn Thị Lựu, 2015).

Việc sử dụng nhà lán để giam cầm có vẻ “đơn sơ và dễ dãi”, thực ra đây không phải là hình thức để đỡ tốn kém về xây dựng cơ sở vật chất, mà là cách để giam cầm mất an toàn nhất đối với tù nhân. Tại nơi lam sơn chương khí, thời tiết khắc nghiệt, thú dữ hoành hành, bệnh tật đe dọa tính mạng con người hàng ngày; trong khi bộ máy cai ngục quản tù ở trong nhà kiên cố, binh lính có đủ mừng mền hàng đêm để bảo vệ sức khỏe và tránh muỗi sốt rét, thì tù nhân các loại đều phải chịu đựng sống trong các lán trại tuềnh toàng, ăn uống kham khổ thiếu thốn, mặc không đủ ấm, bệnh tật không có thuốc, thú dữ có thể đe dọa bất cứ lúc nào... Như vậy lán trại ở Trại lao động đặc biệt Núi Bà Rá thực chất cũng là một loại hình giam cầm hà khắc ác độc của chính quyền thực dân áp dụng đối với lao động - tù nhân.

Ngày 15/4/1941, Trại Lao động Núi Bà Rá có công văn số 1460-DB về việc đặt mua “2 thanh cùm dài 4,5m và đường kính 20mm, trên đó có gắn 20 vòng sắt và 1 cái khóa to” bằng tài khoản của Trại Lao động để phục vụ cho giam cầm lao động (TĐNK, 1941). Ngày 31/7/1941 Larivière, Chánh Tham biện tỉnh Biên Hòa có công văn số Số 470-C gửi Trưởng Sở Cảnh sát địa phương ở Sài Gòn tiếp tục hỏi “có nên tiếp tục mở rộng trại C hay không” và thể hiện “đặc biệt quan tâm liên quan đến việc sử dụng dây thép gai” để củng cố mạng lưới bảo vệ tại khu vực khá yếu này (TĐNK, 1941h).

Để ngăn ngừa tù vượt ngục, chính quyền thuộc địa dùng tiền thưởng và nhiều hình thức khuyến khích khác cho những người dân tộc chung quanh vùng Bà Rá đón bắt tù để lấy tiền hay lấy gạo, muối. Việc thưởng tiền đã có nhiều Nghị định của Thống đốc Nam kỳ quy định từ trước đó hàng chục năm (Từ năm 1921 đến 1939, Thống đốc Nam kỳ có ít nhất 6 Nghị định liên quan đến thưởng tiền cho người bắt giữ tù nhân vượt ngục). Các Nghị định này được vận dụng trong canh giữ tù nhân ở Trại Lao động đặc biệt Bà Rá, ai bắt được 1 tù nhân sẽ được thưởng 20\$00. Trong 3 tháng đầu năm 1943, Toàn quyền Đông Dương và Thống đốc Nam kỳ ban hành 4 Nghị định về thưởng tiền và các hình thức khuyến khích cho người bắt được tù nhân vượt ngục.

Ngoài biện pháp thưởng tiền cho người bắt giữ tù nhân vượt ngục, chính quyền thực dân còn dùng biện pháp trừng phạt nặng nề đối với chính tù nhân vượt ngục bị bắt trở lại với hình thức “bắt quay ngay về trại những kẻ vượt ngục bị bắt giữ và phạt nhốt chúng 60 ngày trong ngục tối. Hình phạt này sẽ làm cho chúng không dám bắt đầu lại nữa” (TĐNK, 1941h). Một số nhân chứng tại địa phương còn cho biết, chủ trại Bà Rá còn dùng hình thức tra tấn dã man đối với tù nhân vượt ngục hoặc những người chống đối bằng cách thả tù nhân xuống dưới giếng sâu để không còn khả năng vượt lên khỏi giếng và vì thế cũng sẽ không còn khả năng vượt ngục.

Chế độ trong các Căng vô vùng khắc nghiệt, bà Nguyễn Thị Lựu kể trong hồi ký: “Nếu ai đau bệnh mà cặp nhiệt kế chưa chỉ đến 40 độ, thì chúng bắt phải chạy mấy vòng chung quanh trại, xong bắt đi làm luôn, không cho nghỉ. Khi đi làm, nếu chỗ nào có người thì được mặc quần cụt, còn đi làm trong rừng thì tất cả không được mặc quần áo, không cho đội nón, mà còn bị cạo phân nửa đầu để phân biệt tù nhân với người ngoài. Sáng sớm sương mù dày đặc, trời lạnh thấu xương, tù nhân phải đi làm trong tư thế đó. Trong lúc làm, những người bị kiệt lực không được nghỉ tay để đi ngoài (đi tiêu). Ai nấy đều nám đen, nhìn không ra con người. Trên những thân xác gầy còm, người nào cũng đầy những lằn roi ngang dọc, lằn cũ chưa lành thì lằn mới đã phủ lên chi chít” (Nguyễn Thị Lựu, 2015).

Một người thăm nuôi lên nhà tù Bà Rá những năm 1943-1944 nhận thấy: “Cảnh số rét rừng kéo dài, anh em tù nhân bị xơ gan cổ trướng, tiểu ra máu chết rất nhiều, người xanh xao vàng vọt là phổ biến” (Nguyễn Thị Một, 1997). Người này kể lại: “Số tù thường phạm chúng nhốt ở căng A. Số này bị hành hạ dã man, chúng bắt làm khổ sai ăn đói, mặc thiếu, có khi chúng bắn chết vô tội vạ, chỉ cần vu khống hai tiếng “vượt ngục” là có quyền đánh đập, bắn giết. Số tù chính trị nam chúng nhốt ở căng C, căng này xây dựng giữa lòng chảo nên khí hậu rất độc hại, địch giam anh em ở đây để anh em chết dần chết mòn” (Nguyễn Thị Một, 1997).

Một nhân chứng là ông Nguyễn Văn Bảo (tức Đề), người tù Bà Rá (1943 - 1944) kể lại: “Nói nhà tù Bà Rá, thực ra là “hầm tù” mới đúng. Nhà tù là những căn hầm đào sâu dưới đất, người tù bị nhốt dưới hầm vẫn bị còng. Riêng tù chính trị mỗi người bị nhốt riêng từng hầm như cái giếng sâu, tối như bưng. Mỗi ngày có lính đến thả dây câu cơm xuống cho ăn, tới bữa sau mới tới kéo đồ đựng cơm lên, nếu thấy cơm còn nguyên coi như người tù đã chết, có thể lấp hố chôn luôn.... Đối với tù thường phạm bị cạo nửa đầu, bị cởi tròng nhốt dưới hầm, khi đi làm khổ sai vẫn phải mang xích sắt” (Thanh Biên, 2016).

Tù nhân nữ bị giam giữ tại Bà Rá theo chính quyền thực dân là “*các tên hoạt động nổi tiếng đã lập gia đình. Họ là những giao liên hết sức nguy hiểm trong các hoạt động bất hợp pháp của cộng sản*” (TĐNK, 1940a). Đầu tháng 11-1940, Phủ Toàn quyền Đông Dương của Cộng hòa Pháp ở Hà Nội do Phó Đô đốc Jean Decoux gửi công văn mật số 958A/A.P.I đồng ý cho Thống đốc Nam kỳ giam tù nhân nữ nguy hiểm cho an ninh công cộng và bảo vệ quốc phòng tại Trại Núi Bà Rá; Công văn mật này còn nhấn mạnh “*đừng do dự trong việc giam các tù nhân nữ đáng ngờ trong các Trại Lao động đặc biệt*” (TĐNK, 1941d).

Báo cáo của Thanh tra ngày 26/6/1942 cho biết Trại B (dành cho nữ) nằm ngay trung tâm, gần với quận, nơi tập trung 55 phụ nữ, trong đó có 3 người hiện đang chữa bệnh tại bệnh viện Biên Hòa. Phụ nữ tại trại này chủ yếu làm các việc sửa quần áo cho các lao động, các kiều dân, và các học sinh tại trường dân tộc... Chỗ ở thích hợp, thực phẩm đủ. Bữa ăn thường ngày còn được cải thiện bằng nguồn

rau trong vườn do chính phụ nữ trong trại trồng. Kỷ luật được tuyên thủ nghiêm túc và tinh thần tù nhân khá tốt. Từ 2 năm nay, chỉ có duy nhất 1 vụ vượt ngục. Có 5 phụ nữ bị bệnh và có 3 người có con nhỏ là không thể đảm bảo được công việc của mình (TĐNK, 942d).

Nữ tù nhân Nguyễn Thị Lựu kể: “Chế độ đối với nữ chính trị phạm có khá hơn, bởi chị em là nữ, phần đông rất trẻ, lại có trình độ văn hóa, nhiều người nói được tiếng Pháp, có tư cách đứng đắn nên chúng nể. Nhưng dù sao thì chị em vẫn là những người chống lại chế độ của chúng cho nên chúng cho là thành phần nguy hiểm, phải giam giữ. Nếu ngoan ngoãn nghe theo lời chúng thì êm, còn đấu tranh chống lại hay không tuân hành nội quy nhà tù thì chúng vẫn đánh đập thẳng tay”. Ngoài ra, chúng còn sử dụng nhiều chiêu dụ khác đối với phụ nữ: “bọn mật thám làm việc ở đây thường lân la, giao thiệp, mục đích là để vừa kiểm soát, vừa dụ dỗ các chị em. Chúng thường nói tới tương lai đen tối để cuối cùng thực hiện ý đồ dụ dỗ chị em làm vợ chúng” (Nguyễn Thị Lựu, 2015).

Về chế độ ăn uống và chăm sóc sức khỏe, báo cáo số 245/2 của Trại Lao động đặc biệt Núi Bà Rá ngày 21/7/1941 cho biết “các lao động tù nhân phàn nàn về chất lượng cá khô phân phát cho họ”; Chỉ huy trại C ở Núi Bà Rá gửi Chánh Tham biện, Chủ tỉnh Biên Hòa cũng “xác nhận chất lượng cá không ngon” (TĐNK, 1942c). Ở Trại C (tù Chính trị) tập trung 407 tù nhân, trong đó có 21 người đang nằm viện.

Đặc biệt là việc tiếp tế lương thực, thực phẩm cho trại Bà Rá luôn luôn là khó khăn lớn nhất, ảnh hưởng đến cả quy mô tổ chức của trại. Nhu cầu về thực phẩm như gạo, cá khô, nước mắm, mỡ heo, khoảng 5 tấn/tuần (TĐNK, 1942b) (thời điểm giữa năm 1942). Theo công văn số 9586-B của Phòng 2 Ban 3 Thống đốc Nam kỳ ngày 24/9/1942, việc tiếp tế này thông thường vận hành theo tuyến đường sắt Sài Gòn - Lộc Ninh, sau theo đường bộ Lộc Ninh – Bà Rá. Công tác vận chuyển gặp phải những trở ngại lớn, do đường xá khó đi, phương tiện hỏng hóc. Vào lúc cao điểm, thực dân Pháp đã phải lập một nhà kho riêng ở ga Lộc Ninh để tiếp tế lương thực, thực phẩm cho trại Bà Rá (TĐNK, 1942c).

Để tiếp tế cho Trại Lao động Đặc biệt, Sở Địa phương ở Đông Dương được giao quản lý 2 xe có trọng tải 2 tấn, nhưng trong đó xe tải CX 490 đã bị hư hỏng nhiều không thể đáp ứng được nhu cầu cần thiết (TĐNK, 1942b); trong khi “Việc vận chuyển thực phẩm lâu hỏng từ Lộc Ninh đến Núi Bà Rá (70km) (gạo, nước mắm, cá khô và mỡ heo), phải đi bằng đường Bù Đốp – Núi Bà Rá, tuyến đường thường xảy ra tai nạn và nghèo nàn và thường trong tình trạng rất xấu, nên rất khó vận chuyển bằng xe Ford, vì nặng và cồng kềnh, đặc biệt, tại các đoạn đường dốc và các cây cầu ở Sông Bé rất nguy hiểm” (TĐNK, 1942b). Rõ ràng việc tiếp tế cho Trại Lao động Đặc biệt ở Bà Rá ngày càng trở nên khó khăn, kể cả việc khó khăn về thực phẩm, buộc chính quyền thực dân “phải vận chuyển nó một cách nhanh nhất và tiên liệu tất cả trường hợp xảy ra”; ngoài ra còn phải “phát triển công việc chăn nuôi và trồng trọt

ở Bà Rá, nhằm để giúp cho vùng tự cung được thực phẩm” (TĐNK, 1942b). Nhưng do nhiều yếu tố về thời tiết, khí hậu và lao động, nên việc giải quyết nhu cầu tiêu thụ thực phẩm thiết yếu nhất vẫn ngày càng khó khăn.

4. Kết luận

Gọi là “trại lao động đặc biệt” vì không có hệ thống nhà tù, trại giam, nơi lam sơn chướng khí, rừng thiêng nước độc, đầy thú giữ rừng hoang với khí hậu và điều kiện tự nhiên rất khắc nghiệt, điều kiện sinh sống thiếu thốn, độc hại, để giam giữ và áp dụng chế độ lao động khổ sai khắc nghiệt đối với các “lao động” mà thực chất tù nhân thường phạm và chính trị phạm, kể cả nữ - Thực chất là những nhà tù trá hình, chứa đựng tính chất dã man, vi phạm các quy định của pháp luật do chính thực dân Pháp đặt ra về chế độ đối xử với tù nhân và với những người không bị mất quyền công dân. Cho đến 8/1941 là cao nhất, hệ thống trại lao động đặc biệt Bà Rá gồm 3 trại A-B-C: Trại A dành cho tù thường phạm; Trại B dành cho nữ; Trại C dành cho cán phạm chính trị. Quy mô các trại A, B: Mỗi trại có khoảng 8 -10 lán tranh, xung quanh rào dây thép gai. Mỗi lán khoảng 40m x 5m, sức chứa 45-50 người. Chính quyền thuộc địa tổ chức điều hành và cai quản “Trại lao động đặc biệt Núi Bà Rá” theo cách “hai trong một”, “ba trong một” hoặc “bốn trong một” – “Hai trại” nam và nữ, “Ba trại” A, B, C, “Bốn” gồm cả Tài Lài, tất cả thống nhất trong một chủ thực dân Pháp, một bộ máy cai ngục, một chế độ lao tù khốc liệt.

Thiết lập hệ thống nhà tù với đầy đủ hệ thống bộ máy quản tù, chính quyền thực dân nhằm mục tiêu đối phó và ngăn chặn phong trào đấu tranh của nhân dân chống chế độ cai trị của thực dân đế quốc và tay sai. Dù trá hình dưới dạng Trại lao động đặc biệt Núi Bà Rá, nhà tù Bà Rá trong khoảng 5 năm tồn tại là một trong những nhà tù khắc nghiệt và dã man của thực dân Pháp trong quá trình xâm lược Việt Nam. Tuy không nặng về tra tấn đòn roi, nhưng sự chịu đựng đầy ải ở nơi lam sơn chướng khí, độc hại, môi trường phát sinh bệnh tật, khiến người tù không thể chịu đựng nổi, hoặc có sống sót cũng tàn phế bệnh tật suốt đời; đó là chế độ rất dã man, ác độc và thâm hiểm, kể cả tù nhân nữ. Chế độ ăn uống và chăm sóc sức khỏe là cực kỳ tồi tệ. Đây là biện pháp phụ trợ tốt nhất của chính quyền thực dân cùng với điều kiện tự nhiên và khí hậu khắc nghiệt nơi lam sơn chướng khí, thú dữ thường xuyên đe dọa mạng sống con người trong cảnh bị dày dọ, xiềng xích.

Nghiên cứu nằm trong khuôn khổ đề tài theo Quyết định số 3381/QĐ-UBND, của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước, ngày 27/12/2017.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Văn Toàn (2016). *Trại Bà Rá và số phận của tù nhân trong hệ thống nhà tù của thực dân Pháp*. Hội thảo Di tích nhà tù Bà Rá và đấu tranh chống chế độ lao tù (1940-1945). Thị ủy Phước Long, tháng 6/2016.
- [2] Nguyễn Thị Lư (2015). *Tình yêu và ánh lửa*. NXB Tổng hợp TPHCM.
- [3] Nguyễn Thị Một (1997). *Cuộc đời của mẹ, gia tài các con*. Hồi ký cách mạng. NXB Trẻ.
- [4] Thanh Biên (2016). *Phước Long ngày ấy bây giờ*. Báo Tin tức (Thông tấn xã Việt Nam) ngày 30/4/2016. <https://baotintuc.vn/xa-hoi/phuoc-long-ngay-ay-bay-gio-20160430085318157.htm>
- [5] Thống đốc Nam kỳ (1940). *Công văn của Trưởng Sở Cảnh sát Nam kỳ gửi Thống đốc Nam kỳ v/v giam giữ con của tù nhân nữ ở trại lao động Bà Rá*. Báo cáo số 8464, ngày 25/10/1940.
- [6] Thống Đốc Nam Kỳ (1940a). Thông tư của Thống đốc Nam Kỳ về việc lập 1 khu trại dành cho nữ tù nhân tại trại lao động đặc biệt Bà Rá. Số 609 ngày 24-09-1940
- [7] Thống đốc Nam kỳ (1941). *Bảng kê đồ dùng xin được tiếp tế của trại lao động Bà Rá từ ngày 19-26/4/1941*. Công văn số 1460-DB, ngày 26/4/1941.
- [8] Thống đốc Nam kỳ (1941a). *Công văn của Chủ tỉnh Biên Hòa gửi Trưởng Sở Cảnh sát Nam kỳ v/v số lượng tù nhân nữ ở Bà Rá*. Báo cáo 2099-C/Api, ngày 11/7/1941.
- [9] Thống đốc Nam kỳ (1941b). *Công văn của Chánh Tham biện tỉnh Biên Hòa gửi Trưởng Sở Cảnh sát v/v tù nhân giam giữ tại trại lao động Bà Rá*. Công văn số 33SC, ngày 31/7/1941.
- [10] Thống đốc Nam kỳ (1941c). *Công văn của Chủ tỉnh Biên Hòa gửi Đồng lý Văn phòng v/v các trại lao động đặc biệt tập trung lại ở Núi Bà Rá*. Công văn số 5403, ngày 12/4/1941.
- [11] Thống đốc Nam kỳ (1941d). *Công văn của Đồng lý Văn phòng gửi Chánh Văn phòng v/v cung cấp thông tin về trại lao động Bà Rá*. Hồ sơ 17287, ngày 25/11/1941.
- [12] Thống đốc Nam kỳ (1941e). *Công văn của Thanh tra Vụ Chính trị và Hành chánh gửi Thống đốc Nam kỳ báo cáo về trại lao động Bà Rá*. Báo cáo số 33SC, ngày 16/8/1941.
- [13] Thống đốc Nam kỳ (1941f). *Công văn của Thống đốc Nam kỳ gửi Chánh Tham biện Biên Hòa v/v duy trì tù nhân ở trại lao động Bà Rá*. Báo cáo số 488C, ngày 28/8/1941.
- [14] Thống đốc Nam kỳ (1941g). *Công văn của Văn phòng Vụ Chính trị Bản địa gửi Thống đốc Nam kỳ v/v đề nghị di dời tù nhân ở trại lao động Bà Rá*. Báo cáo số 470-C, ngày 25/8/1941.
- [15] Thống đốc Nam kỳ (1941h). *Công văn ngày 31/7/1941 của Chánh Tham biện tỉnh Biên Hòa gửi Trưởng Sở Cảnh sát v/v tù nhân giam giữ tại trại lao động Bà Rá*. Hồ sơ 17286, ngày 31/7/1941.
- [16] Thống đốc Nam kỳ (1941i). *Quyết định ấn định chi phí nuôi tù nhân tại trại lao động đặc biệt Bà Rá và Tà Lài*. Hồ sơ G83/39, ngày 2/4/1941.
- [17] Thống đốc Nam kỳ (1941k). *Thông tư của Thống đốc Nam kỳ v/v thi hành việc chuyển tù nhân trong các trại lao động Tà Lài và Bà Rá*. Quyết định số 25, ngày 5/1/1941.

- [18] Thống đốc Nam kỳ (1942). *Báo cáo thanh tra trại lao động đặc biệt Bà Rá tháng 6-9/1942*. Hồ sơ 50513, ngày 28/9/1942.
- [19] Thống đốc Nam kỳ (1942a). *Công văn của Thống đốc Nam Kỳ gửi Chủ tỉnh Biên Hòa về cách tiếp tế thực phẩm cho Trại lao động Bà Rá*. Báo cáo số 14802, ngày 24/9/1942
- [20] Thống đốc Nam kỳ (1942b). *Công văn của Thống đốc Nam kỳ gửi Chủ tỉnh Biên Hòa về cách tiếp tế thực phẩm cho Trại lao động Bà Rá*. Hồ sơ 18959, ngày 24/9/1942.
- [21] Thống đốc Nam kỳ (1942c). *Công văn của Thống đốc Nam kỳ gửi Chủ tỉnh Biên Hòa v/v tiếp tế cho Bà Rá*. Số 9586-B, ngày 24/9/1942.
- [22] Thống đốc Nam kỳ (1942d). *Công văn của Thống đốc Nam kỳ gửi Trưởng sở Cảnh sát ở Sài Gòn về tù nhân bị giam tại trại lao động Bà Rá*. Hồ sơ số 50513, ngày 20/10/1942 .
- [23] Thống đốc Nam kỳ (1943). *Bảng kê chi phí cho tù nhân Cam Bốt và gốc Trung kỳ ở trại Bà Rá, hoàn trả ngân sách nhà nước*. Hồ sơ 52677, ngày 12/2/1943.
- [24] Thống đốc Nam kỳ (1943a). *Công báo Đông Dương*. Báo cáo số J.180, ngày 16/3/1943.
- [25] Thống đốc Nam kỳ (1943b). *Nghị định số 371-D của Toàn quyền Đông Dương về trại lao động Bà ra*. Hồ sơ IIA45/192(8), ngày 21/8/1943.
- [26] Thống đốc Nam kỳ (1944). *Công văn của Phòng 4 gửi Chủ tỉnh Biên Hòa v/v đề xuất kế hoạch chuyển tù nhân lên Bà Rá*. Hồ sơ số 59618, ngày 11/8/1944.
- [27] Thống đốc Nam kỳ (1944a). *Công văn mật ngày 23/9/1944 của Thống đốc Nam kỳ gửi Chủ tỉnh Biên Hòa v/v làm thông thoáng trại lao động Bà Rá*. Hồ sơ 17192, ngày 23/9/1944.